

ĐẶC ĐIỂM NHÂN CÁCH VÀ TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN

Phan Thị Mai Hương

Viện Tâm lý học.

Các đặc điểm nhân cách chịu sự chi phối của nhiều yếu tố, cả những yếu tố do di truyền phân nào mang tính tự nhiên và những yếu tố môi trường, mang tính xã hội. Sự chi phối của các yếu tố tự nhiên và xã hội đến các mặt của nhân cách cũng không hoàn toàn như nhau mà luôn tác động với những mức độ khác nhau. Khảo sát mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này một cách chuẩn xác là một thách thức đối với các nhà tâm lý học. Trong nghiên cứu này, chúng tôi thử tìm hiểu mối liên hệ giữa đặc điểm nhân cách với trình độ học vấn, vốn được coi là kết quả tác động của yếu tố môi trường để bước đầu khám phá ảnh hưởng của yếu tố này đến nhân cách con người. Với quan điểm cho rằng trình độ học vấn không phải là nguyên nhân của nhân cách, chúng tôi chỉ coi đó như là điều kiện để các cá nhân bộc lộ, phát triển và rèn luyện nhân cách của mình. Vì thế mục đích của nghiên cứu này là tìm kiếm những bằng chứng cho mối quan hệ giữa nhân cách và trình độ học vấn, nhằm từng bước phát hiện bản chất của mối quan hệ này.

Số liệu của nghiên cứu này được trích rút từ kết quả khảo sát đặc điểm nhân cách của nhóm lao động trẻ nước ta hiện nay bằng trắc nghiệm NEOPI-R trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước KX-05. Đây là trắc nghiệm đo 5 mặt lớn của nhân cách dựa vào lý thuyết Big-five của M'cCrae và Costa. Điểm số đạt được từ trắc nghiệm của 891 lao động trẻ với tuổi đời từ 17 đến 45 ở các lĩnh vực và khu vực khác nhau được phân thành các nhóm điểm thấp, trung bình và cao. Chúng tôi tiến hành xem xét sự phân bố của các nhóm điểm này trên tất cả các mặt của nhân cách và các tiểu thang đo của từng mặt và so sánh phân bố này ở các nhóm có trình độ học vấn khác nhau, để từ đó phát hiện ra những phân bố lệch, với ý nghĩa là nhóm tập trung những cá nhân có những nét nhân cách đặc trưng của nhóm.

Sự khác biệt về trình độ học vấn ở các mặt nhân cách

Kết quả khảo sát về tỷ lệ cá nhân phân bố trong các nhóm điểm của các mặt lớn của nhân cách được tổng hợp ở bảng 1. Còn trong các bảng số 2,3,4,5,6

là kết quả phân bố trong các nhóm điểm của các tiểu thang đo từ 5 mặt lớn của nhân cách.

Theo bảng 1 ta thấy rằng, sự phân hoá theo trình độ học vấn được thể hiện ở nhiều mặt nhân cách. Nó khiến cho phân bố nhóm điểm không giữ được hình dáng của đường cong chuẩn ban đầu, mà có những phân bố lệch khác nhau (lệch về phía nhóm điểm cao hoặc về phía nhóm điểm thấp) ở những mặt khác nhau ở những nhóm trình độ học vấn khác nhau.

Bảng 1: Tỷ lệ % các nhóm điểm thể hiện các mặt nhân cách của lao động trẻ có các trình độ học vấn khác nhau (phân chia theo điểm chuẩn)

Các mặt của nhân cách		Các nhóm điểm		
		Thấp (≤ 44)	Tr. bình (45-55)	Cao (≥ 56)
Mặt N: Nhiều tâm	Cấp 1 + 2	10.4	40.6	49.0
	Cấp 3	28.3	41.4	30.3
	Trung học (TH)+ Cao đẳng (CĐ)	48.2	30.1	21.7
	Đại học trở lên	30.2	43.6	26.2
E: Quan hệ liên nhân cách	Cấp 1 + 2	35.1	42.9	22.0
	Cấp 3	26.0	40.9	33.1
	TH + CĐ	21.6	35.2	43.2
	Đại học trở lên	33.6	37.9	28.4
O: Cầu thị, ham hiểu biết	Cấp 1 + 2	45.5	37.5	17.0
	Cấp 3	26.7	43.8	29.6
	TH + CĐ	19.1	41.6	39.3
	Đại học trở lên	26.9	42.2	30.9
A: Dễ chấp nhận	Cấp 1 + 2	47.5	32.2	20.3
	Cấp 3	30.3	38.1	31.6
	TH + CĐ	23.6	42.7	33.7
	Đại học trở lên	25.2	39.4	35.4
C: Làm chủ, kiểm soát bản thân	Cấp 1 + 2	47.3	34.6	18.0
	Cấp 3	31.4	36.4	32.2
	TH + CĐ	19.3	40.9	39.8
	Đại học trở lên	25.2	37.3	37.6

Chú thích: Các điểm thô được chuyển thành điểm chuẩn theo nguyên tắc ĐTB chuẩn = 50 và độ lệch chuẩn = 10. Chú thích này áp dụng cả cho các bảng 2,3,4,5,6.

Trong số những người mất cân bằng về cảm xúc (điểm cao ở mặt N) thì những người có học vấn thấp (cấp 1 và 2) chiếm tỷ lệ lớn, còn những người có học vấn cao hơn thì tương đối cân bằng hơn khi đạt điểm thấp ở mặt N. Điều này cho thấy những người có trình độ học vấn thấp thường thể hiện nhiều nét nhiều tâm liên quan đến mất ổn định về cảm xúc. Trong khi đó những người có trình độ học vấn cao thì thường có sự ổn định và cân bằng hơn.

Bảng 2: Tỷ lệ % các nhóm điểm thể hiện các khía cạnh biểu hiện mặt N "Nhiều tâm" ở người lao động trẻ có các trình độ học vấn khác nhau

Các tiêu thang đo của mặt N		Các nhóm điểm		
		Thấp (≤44)	Tr. bình (45-55)	Cao (≥56)
N1: Lo âu	Cấp 1 + 2	21.6	42.7	35.7
	Cấp 3	31.0	41.1	27.9
	TH + CĐ	42.4	42.4	15.2
	Đại học trở lên	26.9	48.0	25.1
N2: Thù nghịch, giận dữ	Cấp 1 + 2	15.6	43.1	41.2
	Cấp 3	28.7	45.3	26.0
	TH + CĐ	37.0	40.2	22.8
	Đại học trở lên	31.6	45.3	23.1
N3: Trầm cảm	Cấp 1 + 2	18.4	40.6	41.0
	Cấp 3	28.2	46.3	25.5
	TH + CĐ	35.9	52.2	12.0
	Đại học trở lên	27.0	50.0	23.0
N4: Mặc cảm, tự ty	Cấp 1 + 2	23.8	45.3	30.8
	Cấp 3	20.9	53.1	26.0
	TH + CĐ	33.7	41.3	25.0
	Đại học trở lên	18.7	55.7	25.7
N5: Xung tính	Cấp 1 + 2	13.4	45.8	40.7
	Cấp 3	28.2	45.2	26.6
	TH + CĐ	34.8	46.7	18.5
	Đại học trở lên	31.7	41.2	27.1
N6: Dễ bị thương tổn do stress	Cấp 1 + 2	15.3	45.6	39.1
	Cấp 3	26.1	46.0	28.0
	TH + CĐ	39.2	53.8	15.1
	Đại học trở lên	24.2	55.6	20.2

Độ chênh lệch rất lớn giữa tỷ lệ điểm thấp và điểm cao ở các tiểu thang đo của mặt này (hiển thị trong bảng 2) của những người có học vấn thấp cho thấy đây là nhóm người thể hiện rõ nhất sự lo lắng, bất an (N1), khả năng kiểm soát sự tức giận kém (N2), dễ chán nản, buồn rầu và tuyệt vọng (N3), không có năng lực kiểm soát, làm chủ những ham muốn bên trong (N5) và dễ bị thương tổn do stress (N6). Trong khi đó những người có học vấn trung cấp và cao đẳng (thuộc loại không cao và không thấp, có trình độ nghề và áp lực công việc không cao) lại khá cân bằng về cảm xúc. Họ là những người bình tĩnh, cân bằng, ít bị căng thẳng, có khả năng kiểm soát sự tức giận, ít khi có những xúc cảm tiêu cực, ít có phiền toái khi gặp các tình huống xã hội tiêu cực, có khả năng làm chủ những nhu cầu ham muốn bên trong cũng như năng lực giải quyết vấn đề trong các tình huống bất lợi.

Bảng 3: Tỷ lệ % các nhóm điểm thể hiện các khía cạnh biểu hiện mặt E "Hướng ngoại" ở người lao động trẻ có các trình độ học vấn khác nhau

Các tiểu thang đo của mặt E		Các nhóm điểm		
		Thấp (≤44)	Tr. bình (45-55)	Cao (≥56)
E1: Cởi mở, thân thiện	Cấp 1 + 2	34.1	48.4	17.5
	Cấp 3	27.3	42.8	29.9
	TH + CĐ	21.5	44.1	34.4
	Đại học trở lên	28.9	45.6	25.5
E2: Thích giao du	Cấp 1 + 2	36.9	34.6	28.5
	Cấp 3	24.7	46.3	29.0
	TH + CĐ	24.7	41.9	33.3
	Đại học trở lên	31.3	47.5	21.2
E3: Tự khẳng định	Cấp 1 + 2	32.1	37.7	30.2
	Cấp 3	24.7	46.3	29.0
	TH + CĐ	25.0	47.8	27.2
	Đại học trở lên	29.6	45.2	25.2
E4: Tích cực hoạt động	Cấp 1 + 2	34.6	47.2	18.2
	Cấp 3	22.8	51.0	26.3
	TH + CĐ	17.4	51.1	31.5
	Đại học trở lên	18.2	56.1	25.7
E5: Tìm kiếm sự kích thích, cổ vũ	Cấp 1 + 2	23.1	47.2	29.6
	Cấp 3	28.4	46.4	25.3
	TH + CĐ	26.1	44.6	29.3
	Đại học trở lên	36.0	42.7	21.3

E6: Những xúc cảm tích cực	Cấp 1 + 2	29.8	45.1	25.1
	Cấp 3	23.4	50.2	26.4
	TH + CĐ	20.4	46.2	33.3
	Đại học trở lên	25.9	45.8	28.2

Kết quả ở bảng 1 chỉ ra rằng rất nhiều người hướng ngoại (có điểm cao ở mặt E) có học vấn không cao cũng không thấp trong xã hội (cấp 3 và trung cấp, cao đẳng), còn trong số những người hướng nội (có điểm thấp ở mặt E) thì học vấn thấp (cấp 1 và 2) và học vấn cao (đại học trở lên) lại chiếm tỷ lệ lớn.

Ta cũng thấy rõ hơn ở bảng 3, những người cởi mở, thân thiện, thích quảng giao, tích cực hoạt động, tìm kiếm sự cổ vũ, kích thích, xu hướng trải nghiệm những xúc cảm tích cực phần lớn là những người có học vấn cấp 3 hoặc trung cấp, cao đẳng. Còn những người kín đáo, dè dặt, luôn giữ khoảng cách với người khác, né tránh các mối quan hệ xã hội, ít có nhu cầu tìm kiếm sự cổ vũ, thích một cuộc sống bình lặng thì nhiều người trong số này có trình độ học vấn hoặc thấp (cấp 1) hoặc cao (từ đại học trở lên).

Bảng 4: Tỷ lệ % các nhóm điểm thể hiện các khía cạnh biểu hiện mặt O "Câu thị, ham hiểu biết" ở người lao động trẻ có các trình độ học vấn khác nhau

Các tiêu thang đo của mặt O		Các nhóm điểm		
		Thấp (≤44)	Tr. bình (45-55)	Cao (≥56)
O1: Giàu tương tượng	Cấp 1 + 2	28.6	43.3	28.1
	Cấp 3	18.6	52.3	29.2
	TH + CĐ	20.4	53.8	25.5
	Đại học trở lên	19.8	49.9	30.4
O2: Óc thẩm mỹ	Cấp 1 + 2	42.5	40.2	17.3
	Cấp 3	23.2	42.1	34.7
	TH + CĐ	18.3	41.9	39.8
	Đại học trở lên	17.4	45.8	36.8
O3: Hiểu xúc cảm và tình cảm nội tâm	Cấp 1 + 2	31.6	48.1	20.3
	Cấp 3	23.2	46.3	30.5
	TH + CĐ	17.4	41.3	41.3
	Đại học trở lên	21.2	44.1	34.8
O4: Đa dạng hoá hoạt động	Cấp 1 + 2	21.5	51.4	27.1
	Cấp 3	18.5	56.8	24.7
	TH + CĐ	13.0	54.3	32.6
	Đại học trở lên	19.1	60.7	20.2

O5: Giàu ý tưởng	Cấp 1 + 2	28.2	46.8	25.0
	Cấp 3	24.5	47.9	27.6
	TH + CĐ	21.7	43.5	34.8
	Đại học trở lên	32.9	42.8	24.3
O6: Các giá trị	Cấp 1 + 2	32.3	49.3	18.4
	Cấp 3	20.7	52.1	27.2
	TH + CĐ	15.1	57.0	28.0
	Đại học trở lên	13.3	56.2	30.5

Ở mặt cầu thị, ham hiểu biết thì những người ham học hỏi là những người có học vấn từ trung cấp trở lên. Trong khi những người học vấn thấp lại tương đối bảo thủ trong cách nhìn, có phạm vi hứng thú hẹp hơn.

Sự phân hoá rõ nét có thể quan sát thấy ở bảng 4. Mức độ chênh lệch về số lượng người giữa nhóm điểm thấp và điểm cao ở các tiểu thang đo là rất lớn. Những người giàu trí tưởng tượng, óc thẩm mỹ, hiểu xúc cảm và tình cảm nội tâm, đa dạng hoá hoạt động, khả năng chấp nhận các giá trị mới xuất hiện nhiều ở những người có trình độ học vấn cao. Còn những người không có óc thẩm mỹ, không ham tìm hiểu, khó chấp nhận các giá trị mới phần lớn rơi vào những người có trình độ văn hoá thấp.

Bảng 5: Tỷ lệ % các nhóm điểm thể hiện các khía cạnh biểu hiện mặt A "Để chấp nhận" ở người lao động trẻ có các trình độ học vấn khác nhau

Các tiểu thang đo của mặt A		Các nhóm điểm		
		Thấp (≤ 44)	Tr. bình (45-55)	Cao (≥ 56)
A1: Lòng tin	Cấp 1 + 2	35.5	49.3	15.2
	Cấp 3	23.5	50.8	25.8
	TH + CĐ	25.8	40.9	33.3
	Đại học trở lên	25.2	45.6	29.2
A2: Thăng tiến, chân tình	Cấp 1 + 2	37.3	42.9	19.8
	Cấp 3	29.0	49.8	21.2
	TH + CĐ	22.8	42.4	34.8
	Đại học trở lên	25.8	47.0	27.2
A3: Vị tha	Cấp 1 + 2	39.6	40.6	19.8
	Cấp 3	29.3	38.6	32.0
	TH + CĐ	23.9	52.2	23.9
	Đại học trở lên	20.9	50.4	28.7

A4: Phục tùng người khác	Cấp 1 + 2	23.7	49.8	26.5
	Cấp 3	21.6	55.6	32.8
	TH + CĐ	21.7	54.3	23.9
	Đại học trở lên	25.4	52.3	22.3
A5: Khiêm tốn	Cấp 1 + 2	37.5	42.1	20.4
	Cấp 3	28.7	41.4	29.9
	TH + CĐ	19.4	54.8	25.8
	Đại học trở lên	21.1	46.0	32.9
A6: Nhân hậu	Cấp 1 + 2	39.9	46.5	21.2
	Cấp 3	26.1	44.4	29.5
	TH + CĐ	16.1	41.9	41.9
	Đại học trở lên	16.7	49.9	33.4

Tuy nhiên, có thể thấy rằng, mặt O của nhân cách liên quan đến sự cầu thị và ham hiểu biết có tỷ lệ điểm trung bình cao nhất trong 5 mặt của nhân cách. Nó cho thấy đặc điểm này của nhân cách được thể hiện ở mức độ trung bình trong mẫu lao động trẻ.

Trong khi đó mặt A (dễ chấp nhận) lại có phân bố khá đặc biệt giữa các nhóm điểm. Đó là nhóm điểm trung bình chiếm tỷ lệ không cao so với nhóm điểm cao và điểm thấp của thang đo. Đây là điểm được thể hiện rõ nét hơn cả ở mẫu lao động trẻ Việt Nam khi tỷ lệ người đạt điểm cao và thấp lớn hơn nhóm trung bình vốn đặc trưng cho nhóm người thể hiện không rõ nét đặc điểm cần đo. Số liệu ở bảng 1 chỉ ra rằng những người có điểm thấp ở thang đo này phần lớn rơi vào nhóm những người có trình độ học vấn thấp, còn điểm cao lại thuộc về những người có học vấn cao hơn. Đặc biệt, nhóm những người có học vấn trung cấp và cao đẳng có tỷ lệ người đạt điểm thấp rất ít. Người có điểm thấp được diễn giải là người có xu hướng ích kỷ, hay nghi ngờ những ý định tốt đẹp của người khác, có xu hướng ganh đua hơn là hợp tác, trong khi những người đạt điểm cao là những người dễ được ưa thích hơn về mặt xã hội, và khoẻ mạnh hơn về mặt tâm lý. Trong bảng 5 ta thấy rõ hơn về từng khía cạnh của mặt nhân cách này. Trong số những người hay nghi ngờ người khác, thiếu thẳng thắn, ít quan tâm đến những vấn đề của người khác có một tỷ lệ lớn là những người có học vấn thấp. Còn trong số những người nhân hậu, khiêm tốn, và thẳng thắn thì những người có học vấn cao chiếm một tỷ lệ đáng kể.

Bảng 6: Tỷ lệ % các nhóm điểm thể hiện các khía cạnh biểu hiện mặt C "Làm chủ, kiểm soát bản thân" ở người lao động trẻ có các trình độ học vấn khác nhau

Các tiêu thang đo của mặt C		Các nhóm điểm		
		Thấp (≤44)	Tr. bình (45-55)	Cao (≥56)
C1: Năng lực	Cấp 1 + 2	32.3	46.5	21.2
	Cấp 3	26.1	44.4	29.5
	TH + CĐ	26.1	41.9	41.9
	Đại học trở lên	16.7	49.9	33.4
C2: Ngăn nắp	Cấp 1 + 2	41.2	43.1	15.6
	Cấp 3	29.5	46.1	24.4
	TH + CĐ	26.1	30.4	43.5
	Đại học trở lên	28.2	37.5	34.3
C3: Trách nhiệm, bổn phận	Cấp 1 + 2	39.6	42.5	17.9
	Cấp 3	25.1	41.7	33.2
	TH + CĐ	18.5	40.2	41.3
	Đại học trở lên	19.4	46.4	34.2
C4: Nỗ lực thành đạt	Cấp 1 + 2	35.1	45.0	19.9
	Cấp 3	26.7	46.5	26.7
	TH + CĐ	14.1	59.8	26.1
	Đại học trở lên	18.7	54.2	27.1
C5: Kỷ luật, tự giác	Cấp 1 + 2	32.6	42.8	24.7
	Cấp 3	20.7	42.1	37.2
	TH + CĐ	17.2	39.8	43.0
	Đại học trở lên	17.0	47.6	35.4
C6: Thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng	Cấp 1 + 2	37.8	33.6	28.6
	Cấp 3	26.4	44.1	29.5
	TH + CĐ	21.5	37.6	40.9
	Đại học trở lên	25.1	45.0	30.0

Trong bảng 6 ta có thể quan sát thấy rằng, một tỷ lệ đáng kể người có học vấn thấp thường thấy thiếu khả năng, làm việc không có hiệu quả, thiếu ý chí thành đạt, còn trong số những người có học vấn cao thì có khả năng hơn, có trách nhiệm, kỷ luật, tự giác và thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng hơn khi quyết định làm một việc gì. Tuy không tìm hiểu quan hệ nhân quả giữa các yếu tố này, nhưng ta cũng thường thấy rõ ràng những người có trình độ học vấn khác nhau, có những thể hiện về mặt nhân cách rất khác nhau trong lĩnh vực liên quan đến công việc, khả năng và ý chí phấn đấu. Không phải ngẫu nhiên, trình độ học vấn luôn là ưu tiên hàng đầu trong lĩnh vực tuyển dụng, bởi đây là điều

kiện để phân biệt chất lượng lao động không chỉ ở trình độ mà cả ở những tố chất tâm lý bên trong mỗi trình độ học vấn.

Dự báo của trình độ học vấn đối với các mặt nhân cách

Với những số liệu đã dẫn ở trên có thể rút ra một nhận định là trình độ học vấn góp phần tạo nên sự khác biệt về nhân cách giữa các nhóm. Khảo sát rõ hơn về mức độ ảnh hưởng của trình độ học vấn đến các mặt của nhân cách, phân tích hồi qui được tiến hành với biến số phụ thuộc là các mặt của nhân cách và biến dự báo là trình độ học vấn.

Kết quả cho thấy trình độ học vấn có thể dự báo cho 4 trong số 5 mặt của nhân cách có ý nghĩa về mặt thống kê với $p < 0.001$. Mặt E (quan hệ liên nhân cách) chính là mặt của nhân cách mà trình độ học vấn không hề có ảnh hưởng một cách có ý nghĩa về mặt thống kê.

Tuy nhiên, ảnh hưởng của trình độ học vấn đối với các mặt của nhân cách là không như nhau: có những mặt nó ảnh hưởng mạnh hơn, nhưng cũng có những mặt nó gây ảnh hưởng nhỏ hơn hoặc không ảnh hưởng đáng kể. Số liệu bảng 7 sẽ chỉ rõ điều này.

Bảng 7: Dự báo của học vấn đối với các mặt nhân cách

Các mặt nhân cách	R ²	Hệ số Bê ta	p
N: Nhiều tâm	0.029	- 0.17	< 0.001
E: Quan hệ liên nhân cách	0.001	0.03	> 0.05
O: Cầu thị, ham hiểu biết	0.027	0.17	< 0.001
A: Dễ chấp nhận	0.035	0.19	< 0.001
C: Làm chủ, kiểm soát bản thân	0.033	0.18	< 0.001

Có thể thấy cụ thể hơn qua bảng 7 rằng trình độ học vấn không có ảnh hưởng đáng kể đến mặt hướng ngoại (quan hệ liên nhân cách), nhưng có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đối với các mặt còn lại của nhân cách, trong đó nó chi phối mạnh hơn cả đối với mặt A (dễ chấp nhận). Tuy nhiên, số liệu cũng cho thấy mức độ dự báo của trình độ học vấn không lớn lắm qua độ lớn của hệ số R². Theo chỉ số này học vấn chỉ dự báo khoảng 2,7% đến 3,5 % cho sự biến thiên của các mặt của nhân cách - một tỷ lệ khá khiêm tốn. Nó chỉ ra rằng nhân cách chịu ảnh hưởng thực sự từ những yếu tố khác hơn là trình độ học vấn